

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 839/2023/HC-PT

Ngày: 24/11/2023

V/v “*khieu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 553/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “*Khieu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện với Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HCST ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12884/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn L, huyện Th, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 22 Y, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Th, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Th, thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:

Gia đình bà là chủ sử dụng hợp pháp đất canh tác có diện tích 1,9 mẫu ở khu đầm S và 5 sào ao để chứa nước tưới thả cá tại khu đồng Tr thị trấn L từ trước năm 1973. Diện tích gia đình sử dụng ổn định, liên tục và không tranh chấp. Năm 2002, Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn L thu hồi và giao trái thẩm quyền diện tích đất canh tác này cho các hộ dân khác. Đến năm 2016, UBND huyện Th lại thu hồi toàn bộ diện tích trên để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm tiêu S mà gia đình bà không được nhận đền bù. Bà đã làm đơn khiếu nại. Ngày 19/9/2017 UBND thị trấn L đã có Quyết định số 99/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà. Không đồng ý với quyết định trên bà đã khiếu nại tiếp đến chủ tịch UBND huyện Th. Ngày 05/01/2018 Chủ tịch UBND huyện Th ra Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với bà.

Bà không đồng ý với hành vi thu hồi đất và việc giải quyết khiếu nại trên. Bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên hủy hai quyết định hành chính là Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L về việc giải quyết khiếu nại (Lần 1) và Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc giải quyết khiếu nại (Lần 2) và tuyên bố hành vi thu hồi đất và giao đất của UBND thị trấn L và UBND huyện Th là trái pháp luật.

*** Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện Th trình bày:**

Chủ tịch UBND huyện Th giữ nguyên Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/01/2018. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin được giải quyết vắng mặt.

- Chủ tịch và UBND thị trấn L trình bày, cung cấp toàn bộ hồ sơ giải quyết khiếu nại, quá trình sử dụng đất, phê duyệt phương án bồi thường tại khu vực thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm tiêu S. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L .

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 27/4/2023 của
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a, khoản 3 Điều 116; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính; căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 27; Điều 29; Điều 31; Điều 33; Điều 36; Điều 38 và Điều 40 Luật Khiếu nại; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính giao đất và thu hồi đất là trái pháp luật của UBND huyện Th.

2. Bác yêu cầu đề nghị hủy các quyết định hành chính :

+ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thị trấn L.

+ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L về việc giải quyết khiếu nại (Lần 1).

+ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc giải quyết khiếu nại (Lần 2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày

của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Th, thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy như sau: Người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nay không tham dự phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng như đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

- Về thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu giải quyết vụ án: Ngày 28/5/2018, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc giải quyết khiếu nại lần hai; Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L về việc giải quyết khiếu nại lần 1, đề nghị tuyên bố hành vi thu hồi đất và giao đất là trái pháp luật của UBND thị trấn L và huyện Th. Đây là các hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng Hành chính do đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét các Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự ban hành các quyết định:

Các quyết định xem xét bao gồm: Thông báo số 31/TB-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thị trấn L, Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L về việc giải quyết khiếu nại lần 1, Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đều được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 17, 18 Luật Khiếu nại; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[2.1.2] Về nội dung các quyết định:

Về nguồn gốc đất: Căn cứ theo bản đồ và sổ mục kê đo vẽ năm 1986, diện tích khu vực này là 25.097m². Trong đó diện tích đất giao theo Nghị định 64/CP là 609m², đất đám mạ của một số hộ gia đình là 3.500m², còn lại 20.988m² là đất công do UBND thị trấn quản lý.

Quá trình sử dụng đất: Năm 1993 giao ruộng theo Nghị định 64/CP, xã ấp Phùng Văn H (thôn Phú T) được giao 604m², diện tích còn lại do ngập úng nên UBND xã L thời kỳ đó không giao cho các gia đình, để thu hồi đất công. Một số hộ gia đình vẫn tiếp tục sử dụng làm đám mạ. Phần diện tích đất gia đình ông Nguyễn Phúc T (bố đẻ bà L) khai hoang thuộc địa công do UBND thị trấn quản lý, hộ sử dụng trước ngày 15/10/1993. Không có hồ sơ quản lý về số diện tích đất này.

Đến năm 2001 thực hiện chương trình giao thầu quỹ đất công ích của UBND thị trấn đã giao thầu cho 03 hộ gia đình ông Nguyễn Đăng Th, ông Nguyễn M và ông Nguyễn Đăng H, diện tích giao thầu là 18.000m² (phần diện tích này đã trừ hành lang đê, hành lang kênh mương S và diện tích đất giãn dân). Khi sử dụng diện tích theo hợp đồng các hộ nhận thầu phải tự thỏa thuận với các hộ gia đình có đất làm đám mạ và đất khai hoang để lấy mặt bằng nuôi trồng thủy sản và canh tác trong đó có cả gia đình nhà ông Nguyễn Phúc T. Từ khi nhận thầu đến khi triển khai thực hiện dự án nâng cấp cải tạo Trạm bơm S, các hộ nhận giao thầu đã sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đặc biệt không có kiến nghị, đơn thư khiếu nại của gia đình bà L .

Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo Trạm bơm tiêu Săn: Thực hiện Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc duyệt dự án cải tạo, nâng cấp Trạm bơm tiêu Săn. UBND thị trấn đã phối hợp với các phòng ban của huyện có liên quan và đơn vị đo đạc để công khai về hồ sơ chủ trương quy hoạch dự án và các hồ sơ, bản đồ phục vụ công tác GPMB.

Thực hiện thông báo số 209/TB-UBND ngày 21/3/2014 của UBND huyện Th về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm tiêu Săn, thuộc địa bàn thị trấn L, huyện Th, thành phố Hà Nội. UBND thị trấn phối hợp cùng Ban bồi thường, hỗ trợ GPMB huyện Th để hoàn thiện hồ sơ kiểm đếm theo quy định pháp luật và công khai dự thảo phương án đền bù hỗ trợ của các hộ

gia đình có đất bị thu hồi. Đến nay các hộ đã nhận tiền đền bù, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công để triển khai dự án theo kế hoạch đề ra.

Quá trình giải quyết đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị L: Ngày 09/9/2016, UBND thị trấn nhận được đơn của ông Nguyễn Phúc T (do con gái là bà Nguyễn Thị L tự nhận được ủy quyền đứng tên ký đơn) kiến nghị việc gia đình có đất khai hoang tại khu vực đầm S và đồng Tr thuộc dự án nâng cấp cải tạo Trạm bơm S nhưng không được đền bù, hỗ trợ.

Ngày 21/9/2016, UBND thị trấn đã mời bà L ra để xác minh và giải quyết, đồng thời UBND thị trấn báo mời ông Nguyễn Đăng H và ông Nguyễn Đăng M đại diện hộ nhận giao thầu khu đất thuộc dự án để đối chiếu xác minh. Tại hội nghị, các hộ giao thầu đã cung cấp 03 giấy tờ mua bán đất khai hoang của gia đình ông Nguyễn Phúc T (có bản sao giấy chuyển nhượng mua bán kèm theo ngày 20/6/2001; Ngày 28/12/2001; Ngày 22/1/2022). Tại hội nghị bà Nguyễn Thị L không công nhận các giấy tờ viết tay về việc chuyển nhượng đất này và bà L cũng trình bày gia đình đã không sử dụng đất từ năm 2001 đến nay. Toàn bộ diện tích đất khai hoang phục hóa của gia đình bà hộ nhận thầu đã tự ý đào ao, thả cá và làm gạch từ năm 2001.

Ngày 21/9/2016 và ngày 22/9/2016 UBND thị trấn đã làm biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Phúc T và con trai là ông Nguyễn Phúc Q. Tại buổi làm việc, ông T và ông Q đều công nhận đã chuyển nhượng diện tích khai hoang cho 03 hộ giao thầu sử dụng. Ngoài ra ông Nguyễn Phúc T có ý kiến là không nhờ ai viết đơn đề nghị giải quyết kê khai, kiểm đếm GPMB đất và cũng không ủy quyền cho ai để giải quyết.

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và bản đồ hiện trạng phục vụ công tác GPMB khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp cải tạo Trạm bơm tiêu S. Hiện trạng gia đình bà L không còn sử dụng đất và 03 hộ nhận giao thầu đã đào ao và canh tác trên toàn bộ diện tích được giao. Căn cứ theo hợp đồng giao thầu số 3 ngày 27/9/2001 của UBND thị trấn, UBND thị trấn phối hợp cùng Ban bồi thường, hỗ trợ GPMB huyện Th để hoàn thiện hồ sơ kiểm đếm và làm giấy xác nhận phân loại đất chủ sử dụng cho 03 hộ nhận thầu và công khai dự thảo phương án đền bù hỗ trợ của các gia đình có đất bị thu hồi theo quy định pháp luật. Đến nay các hộ đã nhận tiền đền bù, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai dự án.

Phần đất ao Đ là đất công do UBND thị trấn quản lý, năm 1993 đã giao thầu cho ông Th sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản với thời hạn là 20 năm. Theo đo đạc tại bản đồ đo đạc năm 2001 thì phần địa ao thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04, diện tích 5176.0m². Năm 2013 hết hạn hợp đồng UBND thị trấn đã làm thủ tục thanh lý hợp đồng. Do diện tích ao Đ ô nhiễm môi trường nặng nề, việc nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn, chưa có hộ nào nhận thầu diện tích ao Đ nói trên.

Do đó, bà L kiến nghị gia đình bà có 1,9 mẫu bắc bộ và 5 sào ao UBND thị trấn giao thầu cho ông Th khu vực ao Đ có diện tích 2 ha thời hạn 50 năm như trong đơn và đề nghị được bồi thường, hỗ trợ GPMB là không có cơ sở chấp nhận. Việc UBND thị trấn L ban hành thông báo số 31/TB-UBND ngày 19/6/2017, giao đất cho các hộ thuê thầu, ban hành thông báo thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về việc giải quyết khiếu nại:

* Về giải quyết khiếu nại lần đầu:

Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và công tác GPMB thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm tiêu S nêu trên; ngày 19/9/2017, Chủ tịch UBND thị trấn L đã ban hành Quyết định số 99/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị L với nội dung: Việc bà Nguyễn Thị L nêu gia đình bà có 1,9 mẫu bắc bộ như trong đơn đề nghị được bồi thường, hỗ trợ GPMB là không có đủ căn cứ thiết lập hồ sơ kiểm đếm, đền bù, hỗ trợ GPMB cho bà L theo quy định pháp luật. UBND thị trấn L ban hành thông báo số 31/TB-UBND ngày 19/6/2017 về việc xác minh, trả lời đơn kiến nghị của công dân là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị L, trú tại thôn Chi Q 2, thị trấn L khiếu nại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 19/6/2017 của UBND thị trấn L là khiếu nại sai.

Quá trình giải quyết đơn, UBND thị trấn L đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Mục 2 Luật Khiếu nại năm 2011.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc hủy Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là có căn cứ.

* Về việc giải quyết khiếu nại lần hai:

Chủ tịch UBND huyện Th giữ nguyên Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L vì: Căn cứ vào các tài liệu có trong

hồ sơ nêu trên và các quyết định của Chủ tịch và UBND thị trấn L đã ban hành đúng pháp luật, Chủ tịch UBND huyện Th đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-CTUBND ngày 05/01/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn L là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc hủy Quyết định số 27/QĐ-CTUBND ngày 05/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc giải quyết khiếu nại lần hai là đúng quy định.

Các quyết định hành chính được UBND huyện Th ban hành đúng căn cứ, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên không có cơ sở xem xét yêu cầu đề nghị tuyên bố hành vi hành chính thu hồi đất và giao đất trái pháp luật của bà Nguyễn Thị L.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, có thể làm thay đổi nội dung án sơ thẩm. Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để bác đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HCST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nam